TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2021
(V/v: Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không ĐKKH)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Tịnh**; Bà **Trần Thị Hoa.**

-Thư ký phiên toà: Ông **Sùng A Thắng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa*:**

Bà: **Bùi Thị T** - Kiểm sát viên

Ngày 30/9/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sần Thị X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh Vàng Văn L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2021, biên bản ghi lời khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Sần Thị X, trình bày: Chị và anh Vàng Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, khi về chung sống với nhau chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, không đăng ký kết hôn, chung sống trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 chị và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không hòa hợp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là tính cách hai vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã, mỗi người một quan điểm sống. Chị và anh L đã

sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay mâu thuẫn trầm trọng, nhận thấy không thể sống chung với anh L được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Vàng Văn L.

Về nuôi con chung: Chị và anh L có 03 con chung là: Vàng Văn S sinh ngày 26/9/2001, Vàng Lệ T, sinh ngày 12/9/2004 và Vàng Bảo L sinh ngày 01/4/2014. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung Vàng Lệ T, Vàng Bảo L đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Vàng Văn S tuy đã trên 18 tuổi nhưng bị khuyết tật từ lúc 7 tuổi cho đến nay và không có khả năng tự chăm sóc, nuôi dưỡng bản thân nên chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2021 bị đơn anh Vàng Văn L trình bày: Anh và chị Sần Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương không có đăng ký kết hôn, chung sống trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây do hoàn cảnh kinh tế gia đình hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cũng có thường xuyên cãi nhau không hòa hợp nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Chị X đã về bên ngoại từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị X làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lu và chị X có 03 con chung là: Vàng Văn S sinh ngày 26/9/2001, Vàng Lệ T, sinh ngày 12/9/2004 và Vàng Bảo L, sinh ngày 01/4/2014. Chị X có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chưa thành niên đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, nuôi con chung Vàng Văn S không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai các con chung:

Lời khai ngày 29/7/2021 con chung Vàng Lệ T khai: Cháu là con đẻ của bố Vàng Văn L, mẹ Sần Thị X, hiện cháu đang học lớp 12 Trường THPT B. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Lời khai ngày 29/7/2021 con chung Vàng Bảo L khai: Cháu là con đẻ của bố Vàng Văn L, mẹ Sần Thị X, hiện cháu đang học lớp 2 Trường Tiểu học xã B. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147,

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của UBTVQH; Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sần Thị X để tuyên bố nguyên đơn Sần Thị X và bị đơn Vàng Văn L không phải là quan hệ vợ chồng. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Sần Thị X được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung, trong đó có hai con chung dưới 18 tuổi cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, 01 con chung bị khuyết tật không có khả năng lao động, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Sần Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Bị đơn Vàng Văn L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do (bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2), HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228/Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sần Thị X và anh Vàng Văn L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000, khi sống chung với nhau chỉ tổ chức làm đám cưới theo phong tục của địa phương mà không có đăng ký kết hôn, sống chung trên cơ sở tự nguyện. Theo lời khai của nguyên đơn Sần Thị X thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, chị và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Mặc dù theo lời khai của anh Vàng Văn L, thì vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cho ly hôn với anh L. Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh L là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố nguyên đơn Sần Thị X và bị đơn Vàng Văn L không phải là quan hệ vợ, chồng.

[3]. Về nuôi con chung: Nguyên đơn Sần Thị X, bị đơn Vàng Văn L có 03 con chung là Vàng Văn S, sinh ngày 26/9/2001 (không có khả năng tự chăm sóc và lao động

tự nuôi sống bản thân) theo lời khai của chị Sần Thị X, các con chung Vàng Lệ T, sinh ngày 12/9/2004 và Vàng Bảo L, sinh ngày 01/4/2014. Qua ghi lời khai và hòa giải về con chung chị X, anh L thỏa thuận được chị X sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy việc chị X một mình chăm sóc cả ba con chung, tuy sẽ vất vả cho chị X, tuy nhiên sự thỏa thuận của chị X, anh L là tự nguyện, không bị ai ép buộc, thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, phù hợp nguyện vọng của các con chung, nên HĐXX cần ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung của chị X, anh L để giao cả ba con chung cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Cả nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sần Thị X.

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn Sần Thị X, bị đơn Vàng Văn L không phải là vợ, chồng.

3. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Sần Thị X được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vàng Văn S, sinh ngày 26/9/2001 cho đến lúc chết hoặc cho đến khi có quyết định khác thay thế; được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vàng Lệ T, sinh ngày 12/9/2004 và Vàng Bảo L sinh ngày 01/4/2014 đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Vàng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Sần Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí DSST, chị X đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2021/0000109, ngày 31/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện , tỉnh Lai Châu, nay số tiền tạm ứng án phí đã nộp được chuyển thành án phí DSST.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh;
- VKS T;
- Thi hành án DS huyệ T;
- Người TGTT;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đoàn Trung Phước